

NGÔN NGỮ ĐỐI THOẠI TRONG TÁC PHẨM CÔ TƯ HỒNG CỦA ĐÀO TRINH NHẤT

BÙI THIÊN DƯƠNG *

Tóm tắt: Nhân vật cô Tư Hồng trong tác phẩm cùng tên của Đào Trinh Nhất (lấy bối cảnh là xã hội Việt Nam những năm cuối thế kỷ XIX đầu thế kỷ XX) là hình tượng nghệ thuật có nguyên mẫu từng gây nhiều tranh cãi. Bài viết tập trung lý giải sức hấp dẫn của nhân vật từ góc độ ngôn ngữ đối thoại trong tác phẩm. Kết quả nghiên cứu cho thấy, ngôn ngữ đối thoại đã góp phần khắc họa nhân vật chính là người phụ nữ khác hẳn với những chuẩn mực đạo đức của người phụ nữ truyền thống. Đó là sự chủ động, vượt lên trên hoàn cảnh, thông minh, biết ứng biến trong mọi tình huống, hiếu thảo với cha mẹ, ân nghĩa với người thân. Nhân vật cô Tư Hồng là một hình tượng nghệ thuật độc đáo, thể hiện cái nhìn mới mẻ về con người, cuộc sống của nhà văn Đào Trinh Nhất so với đương thời. Tiểu thuyết *Cô Tư Hồng* xứng đáng là một thành tựu quan trọng của văn học Việt Nam buổi giao thời.

Từ khóa: Ngôn ngữ đối thoại, cô Tư Hồng, Đào Trinh Nhất, giai đoạn giao thời.

Abstract: Ms. Tu Hong, the eponymous character in Dao Trinh Nhat's literary work (in the context of Vietnamese society in the late 19th- and early 20th- century) is an artistic image whose archetype has been controversial. This article focuses on analyzing the character's attractiveness from the perspective of the dialogue language in the work. Research results show that the language of dialogue contributes to portraying the main character as a woman who is different from the moral standards of traditional women, what makes her different is her proactivity to overcome difficult circumstances, intelligence,

resourcefulness, filial piety to parents, and kindness to relatives. Ms. Tu Hong is a unique artistic image, showing a new perspective on people and life of the writer Đào Trinh Nhất in comparison with his contemporaries. The novel *Ms. Tu Hong* deserves to be a remarkable achievement of Vietnamese literature in the transition period.

Keywords: Language of dialogue, Ms. Tư Hồng, Đào Trinh Nhất, transition period.

1. Mở đầu

Nhân vật me Tây, tiêu biểu là cô Tư Hồng, là nhân vật gây nhiều tranh cãi nhất cuối thế kỷ XIX, đầu thế kỷ XX. Hàng loạt tác phẩm của các nhà Nho ra đời mang ý vị châm biếm, đả kích trực diện vào nhân vật này. Trong số những Nho sĩ đương thời, cụ Tam Nguyên Yên Đỗ đã thể hiện thái độ châm biếm sâu cay nhất. Nguyễn Khuyến đã gọi đích danh cô Tư Hồng là “đĩ”: Cha đòi con đi cầu Nôm. “Nguyễn Khuyến đặc biệt khinh ghét bọn me Tây. Ông đã gom tất cả những lời chửi chua ngoa nhất trong dân dã để vạch rõ bản chất bọn ấy” [3, tr.212]. Nguyễn Khuyến nhìn cô Tư Hồng như một điển hình của sự xuống cấp về đạo đức buổi giao thời. Ở một khía cạnh khác, Nguyễn Khuyến đã đứng trên lập trường dân tộc để tố cáo, chê trách việc cô Tư

* ThS - Vụ Giáo dục thường xuyên, Bộ Giáo dục và Đào tạo; Email: btduong@moet.gov.vn

Hồng đã bắt tay làm ăn với thực dân phá thành Hà Nội với bài thơ *Phá thành Hà Nội*. Ngoài ra, ông còn viết cả câu đối để châm biếm nhân vật: *Có hay chi công rắn cắn gà nhà, phong lưu chủ Bát, phú quý di Tư, mây nổi đã từng qua trước mắt/Thôi đừng có rước voi giày má tổ, sự nghiệp bà Bông, thơ từ ông Hùng, gió bay đành lể gác ngoài tai*. Trong câu đối này, cô Tư Hồng bị liệt vào những hạng người bán nước, phản bội lại nhân dân và đất nước. [3]

Bài viết *Hai loại chân dung phụ nữ*, tác giả Trần Thị Băng Thanh và Phạm Tú Châu khẳng định thái độ của Nguyễn Khuyến đối với loại nhân vật mới này; Trần Thị Hoa Lê với bài viết *Hình tượng người phụ nữ trong thơ Nôm Đường luật giai đoạn nửa cuối thế kỷ XIX* (2011) cũng đưa ra đánh giá chung nhất về nhân vật me Tây; luận văn thạc sĩ khoa học Ngữ văn của Trần Thu Hiền với đề tài *Hình tượng người phụ nữ trong thơ văn Nguyễn Khuyến* (2015) cũng đã đưa ra những nhận định, đánh giá về kiểu nhân vật mới này. Tuy chưa nhiều nhưng các công trình, bài viết đã thể hiện cái nhìn nhiều chiều về nhân vật me Tây - kiểu nhân vật mới liên quan đến yếu tố phương Tây - rất đặc thù của giai đoạn hậu kỳ trung đại. Tuy nhiên, nhân vật cô Tư Hồng, đại diện tiêu biểu nhất của kiểu nhân vật me Tây chưa được khai thác hệ thống và bài bản.

Khi tác phẩm *Cô Tư Hồng* của Đào Trinh Nhất ra đời, câu hỏi “Tại sao người dân đương thời lại hào hứng đón nhận tác phẩm đến thế?” hay “Cô Tư Hồng là người có công hay có tội?” tiếp tục được đặt ra. Theo nhiều nhà nghiên cứu, một phần là do tư tưởng và nhận thức của đại chúng đã có sự thay đổi. Tầng lớp thị dân mới không còn chịu nhiều gò bó, áp lực của hệ quy chiếu đạo đức truyền thống. Một phần là do cô Tư Hồng đã kịp trở thành một huyền thoại, vượt qua quan điểm của thời đại, bất chấp những định kiến

xã hội. Người đương thời thường xem người đàn bà đẹp như là bình hoa di động, là tác nhân của mọi sự suy đồi xã hội. Song, nhân vật cô Tư Hồng lại có đời sống riêng, một vẻ đẹp riêng, một cá tính riêng, vừa truyền thống lại vừa mới mẻ. Ở nhân vật luôn chứa đựng những yếu tố li kỳ, bí ẩn và vì thế thu hút sự tò mò của công chúng.

Một phương diện khác cũng cần nhắc tới là lợi thế của thể loại tiểu thuyết mà Đào Trinh Nhất đã lựa chọn. Các giai thoại về Tư Hồng được tác giả liên kết không theo mạch biên niên của lối chép sử thông thường mà sắp xếp rồi kể lại theo hướng khơi dậy sự tò mò, phán đoán và chờ đợi ở bạn đọc. Đây là một thủ pháp rất quen thuộc và phổ biến của các tiểu thuyết dài kỳ trên báo. Đặc biệt, mặc dù khai thác yếu tố lịch sử nhưng tác giả Đào Trinh Nhất lại không nhìn nhân vật bằng nhãn quan của một sử gia mà bằng nhãn quan của một nhà tiểu thuyết. Vì thế, thay vì khai triển diễn ngôn quy tội của diễn ngôn lịch sử, câu chuyện về cuộc đời của cô Tư Hồng lại được Đào Trinh Nhất quy thành một tự sự về một kiếp hồng nhan bạc phận. Tác giả chủ yếu khơi gợi ở bạn đọc niềm trắc ẩn, cảm thương hơn là sự quy kết.

Như vậy, nhân vật cô Tư Hồng của Đào Trinh Nhất đã để lại ấn tượng đặc biệt cho độc giả. Điểm mới trong nghệ thuật xây dựng nhân vật Tư Hồng, đó là tác giả đã khắc họa được hình tượng nhân vật có tính cách hiện thực, đa chiều (so với văn học trung đại cùng đề tài). Một trong những phương tiện giúp nhà văn bộc lộ tính cách nhân vật đó chính là hệ thống ngôn ngữ đối thoại của nhân vật. Đây chính là nội dung bài viết tập trung làm rõ.

2. Nội dung

2.1. Ngôn ngữ đối thoại trong tác phẩm tự sự

Đối với tác phẩm tự sự, ngôn ngữ đối thoại của nhân vật đóng vai trò vô cùng quan trọng trong việc xây dựng hình tượng nhân

vật. Mỗi nhân vật có một đặc điểm khác nhau về quy định của thời đại, môi trường, tầng lớp xuất thân, trình độ học vấn, ngành nghề, tâm lý, lứa tuổi, cá tính, tâm trạng,... Những đặc điểm đó tạo cho nhân vật một lối nói, một kiểu phát ngôn có đặc trưng riêng, thể hiện qua trường từ vựng, kiểu câu, ngữ điệu,... để lời trực tiếp của họ trở thành một hiện tượng ngôn ngữ độc đáo, có tính chất cá tính hóa nhân vật. Vì vậy, nhà văn luôn chú ý quan sát, lựa chọn, vận dụng để tái hiện ngôn ngữ nhân vật sao cho sinh động, tự nhiên như lời nói thật ngoài đời.

Ngôn ngữ đối thoại của nhân vật trong tác phẩm tự sự là một công cụ hữu hiệu giúp nhà văn khắc họa tính cách nhân vật, tạo nên “lời ăn tiếng nói riêng” của mỗi nhân vật, truyền tải ý đồ nghệ thuật mà nhà văn gửi gắm vào trong cốt truyện. Trong truyện, mỗi khi nhân vật phát ngôn (xuất hiện đối thoại), có nghĩa là người kể đã ẩn mình, rút lui vào trong nhường lời cho nhân vật tự nói, tự bộc lộ, tự phát biểu ý kiến bằng chính ngôn ngữ của mình. Đó là thứ ngôn ngữ gắn cuộc sống vào tính cách và cá tính của nhân vật mang sắc thái riêng. Từ đó, tính cách, quan niệm, cá tính, đời sống tâm lý,... của nhân vật được hiện lên một cách tự nhiên, chân thực nhất.

Như vậy, trong văn chương, nhất là trong thể tự sự, ngôn ngữ đối thoại của nhân vật giữ một vai trò quan trọng trong việc tự bộc lộ của nhân vật. Nó có chức năng biểu hiện thế giới nội tâm, đồng thời có chức năng như một

hành động, một sự kiện đối với nhân vật khác, góp phần khắc họa tính cách nhân vật, thúc đẩy sự phát triển của tính cách và tình tiết cốt truyện, qua đó góp phần phản ánh hiện thực bên ngoài nhân vật, bộc lộ tư tưởng nghệ thuật của tác giả và chủ đề tác phẩm.

2.2. Thống kê số lượt thoại của nhân vật cô Tư Hồng

Trong tác phẩm *Cô Tư Hồng*, nhà văn Đào Trinh Nhất đã rất chú ý trong việc tạo lập ngôn ngữ đối thoại của nhân vật. Ngôn ngữ của mỗi nhân vật trong tác phẩm đều có một màu sắc riêng. Trong đó, độc đáo nhất phải kể đến là ngôn ngữ đối thoại của nhân vật chính - nhân vật cô Tư Hồng.

Tác phẩm khá dài, với 132 trang sách (sách gốc có nhiều trang bị mất), đan xen giữa lời dẫn truyện là những lượt lời đối thoại của các nhân vật với nhau. Khảo sát lời thoại của các nhân vật, có thể thấy, nhân vật cô Tư Hồng có số lượt thoại nhiều nhất. Kết quả như sau: (xem Bảng 1).

STT	Đối thoại giữa các nhân vật	Số lượt lời
1	Tư Hồng - ông cố Hồng (linh mục nhà thờ Phú Xuyên)	29
2	Tư Hồng - người cha	15
3	Tư Hồng - cậu Ấm khách trọ	12
4	Tư Hồng - cô Ba La Vích	11
5	Tư Hồng - người em trai	10
6	Tư Hồng - các nhân vật khác (con mẹ hủi, người hầu nhà cụ Bá, chú khách, nhà buôn, người bà con,...)	9
7	Tư Hồng - cụ Bá Kim Sơn	8
8	Tư Hồng - thầy bói	8
9	Tư Hồng - thím tài	6
10	Tư Hồng - ông cố Ân	6
11	Tư Hồng - chị Tý (bạn cũ)	5
12	Tư Hồng - chú Khách Hồng	5
13	Tư Hồng - bác Phó	4
14	Tư Hồng - chị em bán hàng	4
15	Tư Hồng - Thầy thư ký	4
Bảng 1. Số lượt thoại của nhân vật cô Tư Hồng		

Tổng lượt lời đối thoại của nhân vật Tư Hồng là 136 lượt lời. Chính ngôn ngữ đối thoại của nhân vật cô Tư Hồng đã góp phần tạo nên thành công trong việc khắc họa tính cách nhân vật, làm nên nét độc đáo ở nhân vật. Nhà văn Đào Trinh Nhất đã rất khéo léo tạo ra những tình huống giao tiếp để nhân vật bật ra lời nói một cách tự nhiên nhất. Ở mỗi tình huống đối thoại, ngôn ngữ nhân vật lại có một màu sắc riêng, giúp người đọc có thể cảm nhận một cách rõ ràng nhất cá tính, tâm lý và tính cách nhân vật.

2.3. Ngôn ngữ đối thoại của nhân vật cô Tư Hồng - phương tiện nghệ thuật bộc lộ tính cách

2.3.1. Một con người bản lĩnh, luôn chủ động

Gia cảnh vốn nghèo khó, Thị Lan thân là gái nhưng cô vẫn chủ động bươn chải, lo toan gánh nặng gia đình. Đây là lời đối thoại của cô với người cha: “Thầy cứ để con theo đòi chị em buôn thúng bán mưng, để kiếm đồng cà, đồng muối đỡ dần cho thầy và di con;... Thừa thầy, con vẫn biết không dễ đâu. Nhưng công việc nhà ta chẳng có bao lăm, bây giờ chẳng lẽ con cứ ăn không ngồi rồi mãi” [9, tr.35]. Lời thoại của Tư Hồng (tên cha nàng đặt lúc nàng ra đời là Thị Lan) thể hiện rõ cái tinh thần, khí chất mạnh mẽ của một bậc nam nhi, chủ động giương vai gánh vác việc gia đình. Rồi khi người cha vội vàng nhận lễ, ép gả cô về làm vợ lẽ cho ông Bá Kim Sơn, Thị Lan sững sốt, trăn trở cả đêm suy nghĩ. Lời thoại của nhân vật lúc này vô cùng quả quyết: “Thưa thầy, cả đêm con suy nghĩ rồi, con nhất định không chịu lấy lão Bá Kim Sơn đâu. Thầy giả lễ lại cho người ta,... Hay thầy muốn gả con cho bố cu, bố dĩ nào cũng được, nhưng lão Bá Kim Sơn thì nhất định con không lấy” [9, tr.52]. Khi lời nói không thể lay chuyển được cha, cô đã trái ý cha, trốn ra thành Nam Định, sau đó lưu lạc ra Hải Phòng, khởi đầu của một đời ngang dọc. Những lời thoại thể hiện một tư tưởng phụ nữ thật mới mẻ, táo bạo. Cô không cam

chịu cảnh “cha mẹ đặt đâu con ngồi đấy”. Cô đã phá bỏ mọi quy tắc, chuẩn mực của người phụ nữ truyền thống để chủ động chọn lựa tương lai của mình, chủ động tìm kiếm hạnh phúc cho mình, ngay cả khi rơi vào bước đường cùng, khi chú Khách Hồng - chồng cô ham mê cờ bạc tiêu tán hết gia sản, giữ áo ra đi không để lại cho cô Tư Hồng được chút gì. Trải qua bao khó khăn từ hai bàn tay trắng ra Hải Phòng lấy chồng, buôn bán đến khi có được chút vốn liếng, cô Tư Hồng (lúc này là Thím Hồng) lại bị người chồng phá hết, khiến cô trở lại điểm ban đầu: “trắng tay”. Đây là lời đối thoại với cô Ba La Vích: “Không! Còn nhà cửa thân thích nào ở Phòng mà cô bảo tôi trở về. Chỗ chị em quen nhau một ngày là nghĩa tôi không nói giấu gì cô và cũng không ngại cô cười: tôi đi Hà Nội lớp này, giống như người thò tay mở bát lúc sắp sửa cuốn chiếu, bán chẵn hay bán lẻ, cùng đất tất, mặc nó ra sao thì ra!” [9, tr.88]. Lời thoại thể hiện rõ tâm trạng của Tư Hồng, vừa xót xa cho phận mình lại vừa có phần phó mặc, liêu lĩnh. Nhưng, đằng sau sự liêu lĩnh ấy là một bản lĩnh cứng cỏi. Cô không cam tâm ngồi yên, không chịu an phận trong khốn cùng. Cô “liêu lĩnh” hay chính là cô luôn tin vào bản thân mình? Cô “liêu lĩnh” hay cũng chính là cô luôn khao khát, hy vọng vào một cuộc sống tốt đẹp hơn thực tại? Với suy nghĩ như thế, cô không ở lại Hải Phòng hay trở lại làng quê mà tìm đường lên Hà Nội, một đô thị náo nhiệt. Nhờ thế, cô có cơ may gặp người đàn ông mà cô biết có thể là chỗ dựa tiếp theo của mình, viên quan tư người Pháp - người giúp cô bước sang một trang đời khác, còn “oanh liệt” hơn thời cùng với chú Khách Hồng.

Có thể nói, qua việc chọn lọc, xây dựng ngôn ngữ đối thoại, Đào Trinh Nhất đã khắc họa thành công nhân vật Tư Hồng - một người phụ nữ xinh đẹp, đa đoan nhưng đầy bản lĩnh, khôn ngoan, tính toán, quyết đoán, quyền lực, và là một người con có hiếu. Ngôn ngữ đối

thoại đã làm nổi bật cá tính, sự “nổi loạn” của nhân vật, dám vượt qua mọi phép tắc, bất chấp định kiến đương thời để đi tìm hạnh phúc cho mình, để lựa chọn một cuộc sống mà mình muốn. Điều đó hoàn toàn khác với kiểu nhân vật phụ nữ trước đó, đa số đều cam chịu, nhẫn nhịn. Đây cũng là nhân quan nghệ thuật đầy mới mẻ của tác giả Đào Trinh Nhất.

2.3.2. Một con người khôn ngoan, sắc sảo, mưu mẹo, biết tính toán, lo toan và có tài ứng biến

Sự sắc sảo, khôn ngoan của cô được thể hiện rõ nhất khi cô dấn thân vào kinh doanh. Đây là những lời đối thoại của cô với người chồng là chú khách Tàu:

- “- Lữ bỏ thầu mấy hào một chiếc?
- Tính ra hơn một hào tư.
- Sao rẻ thế hử?
- Thế mà rẻ à? Mình đặt họ làm, cả chửi với cây nứa làm cán thương số hơn hai đồng xu, mình lãi hào mấy, còn gì!
- ...
- Thế còn món thầu mấy nghìn tạ gạo cho nhà thương, bao giờ mới cần giao nạp để hóa còn lo liệu trước mới kịp!”. [9]

Những lời thoại thể hiện rõ một Tư Hồng có đầu óc kinh doanh nhạy bén, tính toán khôn ngoan. Có lẽ chính vì thế mà từ ngày có Tư Hồng, công việc làm ăn của chú Khách Hồng mỗi ngày thêm khấm khá, phát đạt. Sau khi trở thành một me Tây, sự khôn ngoan, bản lĩnh hơn người của cô càng được thể hiện rõ hơn nữa. Cô không cam tâm làm một me Tây thụ động, chỉ ngồi nhà chờ nhận sự chu cấp của người chồng như hầu hết các me Tây khác. Trái lại, Tư Hồng chủ động dấn thân vào công cuộc kinh doanh lớn. Không một cuộc bao thầu buôn bán nào là cô không chú ý xem xét. Từ gói thầu cung cấp hàng cho quân đội Pháp đóng ở Phúc Yên, cung cấp nhu yếu phẩm cho các trại giam trên toàn cõi Bắc Kỳ. Đáng kể nhất là cô cạnh tranh với

giới thầu xứ Bắc Kỳ, cạnh tranh cả với người Pháp lẫn người Hoa để giành lấy gói thầu phá thành Hà Nội; rồi tiếp đó mở thêm hướng kinh doanh lúa, gạo, ngô, kinh doanh cả dịch vụ đi tàu bằng đường thủy. Đặt trong giai đoạn lịch sử nước ta còn chìm đắm trong đời sống nông nghiệp đói nghèo, lạc hậu, một số người thức thời cũng phải nấp bóng nhà cầm quyền đô hộ để tiến thân, làm giàu. Riêng Tư Hồng đã tự tìm cho mình con đường riêng không lệ thuộc ai, cạnh tranh với những đối thủ sừng sỏ Hoa kiều, Pháp kiều mới thấy cô là người bản lĩnh, tài cao chí lớn nhường nào.

Một lần khác, trong bối cảnh vụ mất mùa ở Trung Kỳ, dân tình đói kém, người chết ngổn ngang. Nhân việc đó, cô Tư Hồng toan tính chở đầy một chuyến tàu gạo vào Huế để kiếm lời mà lại hóa ra lập được công danh, nổi tiếng nhân nghĩa. Nào ngờ nhà đương cuộc bảo hộ muốn trừ cái nạn thóc cao, định tịch biên và người chở gạo còn bị phạt. Cực kỳ khôn khéo, Tư Hồng lập tức chuyển nguy thành may, chối: “Không! Tôi chở tàu gạo này vào, cốt để phát chẩn cho dân đói, chở có phải bán chác gì đâu” [9, tr.106]. Nhờ lời phân bua ứng phó khôn ngoan đó mà cô Tư Hồng: “đã xoay hẳn tình thế, lật ngay mặt trái ra phải. Từ nhà buôn gạo đầu cơ đổi ra nhà giàu lòng từ thiện. Một việc thừa nguy cầu lợi đáng khinh trở nên một việc cứu khốn phò nguy đáng trọng” [9, tr.106]. Cũng nhờ đó mà cô được triều đình ân thưởng bốn chữ: “Lạc quyền nghĩa phụ” và sắc phong cho làm “Chánh ngũ phẩm Nghi nhân”. Người đời chất lưỡi kính phục: “Con mẹ ấy sao mà khéo lắm cơ ứng biến ranh mãnh đến thế!” [9, tr.109]. Tác giả không lên tiếng khen cô trong vụ việc này nhưng cũng không thể không thừa nhận sự khôn ngoan và tài ứng biến của cô.

Không chỉ khôn ngoan trong làm ăn, sự khôn ngoan, sắc sảo của Tư Hồng còn được thể hiện rõ trong cách cô ứng xử với “chồng

hờ” là ông cố Hồng. Cũng say mê thầy tu, muốn gán bó vợ chồng với ông nhưng cô vẫn rất lý trí. Cô đã tâm sự với người chị em sắp sửa nhập tịch làng me Tây rằng: “Bây về cưới cheo làm quái gì! Vợ chồng ăn ở với nhau quan hệ ở tấm lòng hơn là ở tờ giấy. Có hôn thư mà họ chẳng cảm sùng trên đầu nhau hàng tá rồi không ruộng bỏ nhau như vút chiếc áo rách đây ư? Thật lòng yêu thương nhau thì chẳng cần hôn thư cũng ở được với nhau được suốt đời. Nhất là nếu mình có của riêng càng không nên đại vì anh chồng tham lam có thể lợi dụng giấy tờ cheo cưới để xài phá, xâm đoạt của mình. Thà cứ thuận mua vừa bán, hay ở dờ đi, lấy chồng như thể mua hàng vậy” [9, tr.148]. Lời thoại cho thấy một quan điểm rất mới mẻ, táo bạo trong quan hệ vợ chồng. Ẩn sâu trong lời tâm sự ấy, ta vẫn thấy một Tư Hồng khao khát hạnh phúc, khao khát một tấm chồng có thể yêu thương nhau thật lòng, có thể ăn đời ở kiếp cùng nhau. Nhưng bên cạnh đó vẫn là một Tư Hồng rất tỉnh táo, khôn ngoan. Thế nên, lấy ông cố Hồng bà chỉ làm “phép cưới” và thực thi “luật phân sản”. Điều ấy khiến ông phật ý, bà đã an ủi chồng rằng: “Của vợ tức là của chồng, sớm muộn thế nào tôi cũng giao quyền cai quản cho ông mà!” Thế mới thấy, sự sắc sảo, lời đời ở người đàn bà từng trải đã giúp bà nhìn thấu tâm cơ của ông cố Hồng ngay từ đầu. Trong suốt quá trình sống chung, càng ngày cô càng nhận rõ “tâm lý ông chồng đối với cô chỉ vì của cải, không vì ái tình” [9, tr.151]. “Bởi vậy từ đây vợ chồng bề ngoài vẫn niềm nở như bát nước đầy nhưng bề trong cô để tâm phòng bị từng ly, từng chút” [9, tr.152]. Khi đã ốm liệt giường, cách cái chết chỉ trong gang tấc, bà đã lật tẩy bộ mặt của ông chồng: “Ông cố tâm chiếm đoạt tài sản của một người đàn bà đến thế kia ư? Thế mà lúc mới gặp nhau, ông nói ông tu hành đạo đức, chẳng thiết gì của cải thế gian”; “Tôi nhớ không biết lần này là lần thứ

mười mấy rồi, ông gạ mãi tôi sang tên gia sản cho ông. Chắc ông nghĩ gái già này đại độ lắm, bảo gì nó chẳng phải nghe. Nó không đại đâu, ông ạ. Nói thật cho ông biết, nó đã phòng lấy thân rồi. Bao nhiêu gia sản nó cho người ta và hội thiện hết cả rồi, có còn gì đâu mà cho ông...” [9, tr.158]. Trong những giây phút cận kề cái chết, lời lẽ của người đàn bà vẫn vô cùng cứng cỏi. Dẫu đau đớn trước tình đời đen bạc nhưng trước sau, bà vẫn thể hiện bản lĩnh, sự khôn ngoan, sắc sảo hơn người. Sắc sảo cả đến lúc chết! Bà đã lật rõ bộ mặt tham lam, đạo đức giả của ông chồng hờ và khiến lão phải chấp nhận thất bại đau đớn.

2.3.3. Một người con luôn trọn đạo hiếu

Khảo sát những lời thoại của cô Tư đối thoại với cha, dễ thấy trong lời thoại của nhân vật luôn dành cho cha những lời lẽ đầy kính cẩn, tôn trọng cha: “thưa thầy”, “vâng”, “bẩm thầy”,... Khi đã làm vợ nhà giàu, được ăn sung mặc sướng, cô vẫn canh cánh bên lòng nghĩ đến cha, mất nhiều công dò la, tìm kiếm. Sau nhiều năm bất tin cha, trong giây phút hội ngộ gia đình, Tư Hồng đã thốt lên những lời nói với cha khiến bạn đọc không khỏi rung rung cảm động: “... Bây giờ cả thầy u phải lên ở Hà Nội với con trong ít lâu, con sẽ cùng đi về Bồng Hải dọn dẹp cửa nhà lên tắt Hà Nội ở luôn đây. Thầy đã già rồi từ nay con không để cho thầy vất vả và nay xứ Đông, mai xứ Đoài nữa” [9, tr.94]. Biết bao nhiêu mừng tủi, biết bao nhiêu hứa hẹn và cả tấm chân tình của người con chất chứa trong lời thoại ngắn ấy. Nhà văn Đào Trinh Nhất cũng thật khéo léo khi diễn tả lòng hiếu của cô Tư Hồng một cách gián tiếp qua lời đối thoại với các nhân vật khác. Đây là những lời thăm hỏi, trò chuyện với bác Phó: “Làng ta có chuyện gì lạ không? Cụ cố nhà tôi có nhắn gì không? Tôi mới gửi về biếu cụ mấy trăm đồng bạc cao nhưng, chẳng biết cụ đã bắt đầu dùng chưa?...” [9, tr.22]. Những lời thăm hỏi xã giao nhưng tấm lòng của người con lại

hiện lên thật rõ. Tư Hồng vẫn một lòng quan tâm, dành của ngon vật lạ tốt nhất cho cha. Rồi khi bác Phó cầu lụy xin được lĩnh canh ruộng đất ở quê, cô Tư Hồng chẳng ngần ngại mà quyết rằng: “Việc ấy, sao bác không bầm ngay cụ cố có tiện không? Tôi ở Hà Nội mắc lo những việc buôn bán lớn lao, giao thiệp với những quan khách tới lui, tấp nập suốt ngày, không còn thời giờ nào để tâm đến chuyện ruộng đất ở nhà quê. Chuyện ấy đã có Cụ Cố. Bác cứ về bầm với Cụ. Hề Cụ cho là được...” [9, tr.22]. Nghe qua có vẻ là lời thanh minh cho sự bận rộn của mình, nhưng ngầm kỹ thì đó lại là sự coi trọng cha. Đường như trong thâm tâm cô, cô muốn bù đắp cho người cha một đời khốn khổ của mình những “quyền này quyền nọ” để cha được nở mày nở mặt với thiên hạ! Lo cho cha một dinh cơ ở quê nhà, cho cha hưởng cuộc sống giàu sang phú quý dường như vẫn chưa đủ. Cô lấy làm cay cú lắm việc người ta vẫn xâm xì, bắt phục, ra đình vẫn để cha mình “ngồi chiếu áp chót”. Cô đã hùng hồn tuyên bố rằng: “Đề nay mai ông Cụ nhà tôi phải ngồi chiếu nhất trong làng để quân kia sẽ phải chào bầm quan lớn cho mà xem nhá” [9, tr.116]. Rồi bằng sự khéo léo, tận dụng những mối quan hệ của mình, cô bắt tay vào việc “lo lắng công danh cho ông bố”, đến khi “Đại Việt tân báo” đăng tin cha cô được “đặc cách thưởng hàm Hàn lâm viện Thị độc, Phụng nghị đại phu” thì sở nguyện của cô đã đạt. Tất nhiên, nhìn ở góc độ nào đó, cô cũng thực dụng, chạy theo thói háo danh đương thời. Nhưng, tấm lòng hiếu thảo với cha là không thể phủ nhận.

2.3.4. Một con người có lòng nhân hậu, sống có nghĩa, có tình

Khi va vào mối tình đầy tai tiếng với ông cố Hồng, cô bị người đời mai mỉa, tẩy chay, việc làm ăn vì thế mà sa sút đến mức phải bỏ xứ. Cô cũng muốn nghe theo chồng, xuất dương sang Tàu, sang Xiêm cho khuất mắt hằn xú này. Cô than thở với chồng rằng: “Thế

còn cửa nhà, phố xá, quê hương, giỗ tết, mồ mả ông bà, bảo tôi trút gánh nặng ấy cho ai mà cũng không có ai thân mật để mình có thể ủy thác được. Cậu em và các cháu còn khờ dại cả lũ...” [9, tr.145]. Nhà văn Đào Trinh Nhất thật khéo léo dùng một lời thoại thật ngắn mà khắc họa được tâm hồn đôn hậu, lối sống nghĩa tình của nhân vật Tư Hồng. Người phụ nữ ấy không đành lòng bỏ xứ bởi vẫn một lòng gắn bó tha thiết với quê hương, làng xóm, với “mồ mả ông bà”, tổ tiên; vẫn còn lo lắng, còn thương cho cháu nhỏ, em khờ. Lo cho người đã khuất, rồi lo cho cả người còn sống. Hóa ra, ẩn sau cái mác “me Tây” lại là một tâm hồn rất “thuần Việt”.

Những lời thoại của Tư Hồng trước khi nhắm mắt xuôi tay càng thể hiện rõ tấm lòng nhân hậu, nghĩa tình của cô. Đây là lời thoại của cô với người em trai: “Em ạ, ngày xưa ông cụ để ra chúng ta bần khổ hàn vi lắm... Nay chị để lại cho em tất cả tức là cho các cháu bé. Hề chị nhắm mắt rồi, em phải cố giữ gìn cơ nghiệp này mà gây dựng cho các cháu đều được học hành nên thân. Trước khi chị chết, em có dám hứa với chị điều ấy không?” [9, tr.159]. Tư Hồng sử dụng cách xưng hô thể hiện đúng vai giao tiếp (chị nói với em), với lời lẽ dịu dàng, tình cảm nhưng mang sức nặng của một lời trăng trối. Đặc biệt, cách tổ chức lời thoại rất chặt chẽ. Cô nhắc lại quá khứ “bần khổ hàn vi” của gia đình như một cách để người em thấy rõ được sự cố gắng, nỗ lực của một đời cô mà trân trọng hơn hiện tại. Sau đó, bày tỏ tấm lòng của mình muốn “để lại tất cả cho em, cho cháu”. Cuối cùng là giao trách nhiệm cho em “phải cố giữ gìn cơ nghiệp này”, muốn em cam kết bằng lời hứa. Rõ ràng, lời thoại thể hiện rất rõ tấm chân tình của cô. Thành quả của một đời vất vả, bôn ba, cô dành trọn cho người thân. Nổi trăn trở cả một đời, đến tận lúc chết, cũng vẫn là người thân. Con người ấy sống nặng nghĩa nặng tình biết nhường nào.

Lời thoại của Tư Hồng với cha cố Ân cũng góp phần thể hiện rõ hơn nữa tấm lòng nhân hậu, tình nghĩa của bà: “Thưa cha, trong tập này là bản đồ một miếng đất đáng giá gần hai vạn bạc và tờ nhượng con đã ký tên để cúng vào Nhà Chung. Với số tiền bán được miếng đất ấy, xin cha xây một tòa nhà thờ cho kẻ nghèo khó mà dưới nền móng đó xương tàn của con sẽ được chôn cất nhờ để các giáo hữu đời đời cầu nguyện cho con” [9, tr.160]. Người đàn bà ấy trong những giây phút cuối đời đã dùng chút hơi tàn lực kiệt của mình để bày tỏ trước cha cố những mong muốn, sở nguyện của mình. Những từ ngữ “Thưa cha..., xin cha...” cho thấy những lời lẽ đầy kính cẩn, giọng điệu chân thành, tha thiết. Bà muốn dâng tặng cho Nhà Chung, cho những người nghèo khó “một miếng đất đáng giá gần hai vạn bạc”. Người đàn bà đã từng chiến đấu đến cùng với lão chồng hờ để bảo vệ tài sản của mình, không cho lão cướp đi một xu, một cắc nhưng lại rộng mở lòng mình, sẵn sàng “cho đi” trước những người nghèo khó. Tấm lòng thơm thảo ấy thật đáng quý, đáng trọng biết bao. Với chính bà, khi sở nguyện được như ý, trước khi đi vào cõi vĩnh hằng, gương mặt hừng sáng và thốt lên những lời đầy mãn nguyện: “Trọn đời tôi, duy có giây phút này là thấy sung sướng, thanh thoi” [9, tr.160]. Cả một đời tung hoành ngang dọc, sống trong hoài nghi, đau khổ trước tình đời đen bạc thì nay bà đã mãn nguyện, hạnh phúc khi được gửi gắm “nắm xương tàn” của mình, gửi gắm trọn vẹn niềm tin của mình về bên Chúa.

3. Kết luận

Có thể khẳng định rằng, trong nhiều yếu tố tạo nên thành công của tác phẩm *Cô Tư Hồng* có sự góp mặt của ngôn ngữ nhân vật. Dưới ngòi bút của Đào Trinh Nhất, ngôn ngữ đối thoại trong tác phẩm rất phong phú, thú vị, thể hiện được tính cách nhiều chiều của nhân vật Tư Hồng. Đó là một người đàn bà sắc

sảo, đa đoan, khôn ngoan, đầy quyết đoán và cũng rất hiếu thảo, nghĩa tình.

Nói cách khác, ngôn ngữ đối thoại là phương tiện để nhà văn gửi gắm quan niệm của mình về nhân vật có thật trong lịch sử đã gây nhiều tranh cãi là cô Tư Hồng. Có thể thấy, mẹ Tây (và Tư Hồng) dù chưa bao giờ là nhân vật chính hay lớn của văn học Việt Nam từ nửa sau thế kỷ XIX đến nay, nhưng các dị bản về nhân vật này lại phản ánh sâu sắc những va chạm và biến động mạnh mẽ về tư tưởng và văn hóa của các thời kỳ. Để làm rõ vấn đề này, những phương diện nghệ thuật khác thể hiện tính cách nhân vật cũng cần được gia công khai thác, và đó sẽ là nội dung được bàn đến ở những bài viết tiếp theo.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

- [1] Lại Nguyên Ân, “Vài nét về Đào Trinh Nhất - nhà báo”, truy cập tại <http://lainguyenan.free.fr/TimLaiDiSan/VaiNet.html>, 2003.
- [2] Nguyễn Huệ Chi, “Một vài phương pháp tiếp cận thơ văn Nguyễn Khuyến”, *Văn học*, số 4, 1985.
- [3] Nguyễn Huệ Chi (Chủ biên), *Thi hào Nguyễn Khuyến đời và thơ*, Nxb. Giáo dục, Hà Nội, 2003.
- [4] Nguyễn Thái Hòa, *Những vấn đề thi pháp của truyện*, Nxb. Giáo dục, Hà Nội, 2000.
- [5] Đào Thị Nguyên, *Hình tượng người phụ nữ trong thơ Nôm Đường luật Nguyễn Khuyến và Trần Tế Xương dưới góc nhìn so sánh*, Luận văn thạc sĩ Ngữ văn, Đại học Sư phạm Hà Nội, 2011.
- [6] Nhiều tác giả, *Từ điển thuật ngữ Văn học*, Nxb. Đại học Quốc gia Hà Nội, Hà Nội, 2000.
- [7] Nguyễn Quang - Minh Trí, *Từ điển Tiếng Việt*, Nxb. Hồng Đức, Hà Nội, 2013.
- [8] Trần Đình Sử, *Mấy vấn đề thi pháp văn học trung đại Việt Nam*, Nxb. Giáo dục, Hà Nội, 1999.
- [9] Nguyễn Quang Thắng (sưu tầm và giới thiệu), *Đào Trinh Nhất - tác phẩm*, Nxb. Văn học, Hà Nội, 2010.
- [10] Nguyễn Ngọc Tiến, “Cô Tư Hồng và công ty đầu tiên xứ Bắc Kỳ”, truy cập tại <http://doanhnhonline.com.vn/co-tu-hong-va-cong-ty-dau-tien-xu-bac-ky/>
- [11] Nguyễn Ngọc Tiến, *Mẹ Tư Hồng*, Nxb. Trẻ, Tp. Hồ Chí Minh, 2014.